



**Công ty Cổ phần Nước khoáng  
Quảng Ninh**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2016



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký doanh nghiệp số** 5700379618

ngày 1 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 5700379618 ngày 25 tháng 12 năm 2015. Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Thiều Nam	Chủ tịch
Ông Phạm Đình Toại	Thành viên
Ông Ngô Văn Phước	Thành viên
Ông Trần Phương Bắc	Thành viên
Ông Đàm Sơn	Thành viên
Ông Đặng Quốc Bình	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Đàm Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 20 tháng 4 năm 2016)

**Trụ sở đăng ký**

Tổ 3A, Khu 4  
Phố Suối Mơ  
Phường Bãi Cháy  
Thành phố Hạ Long  
Tỉnh Quảng Ninh  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc  
  
Đàm Sơn  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Quảng Ninh, ngày 15 tháng 3 năm 2017



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## Vấn đề khác

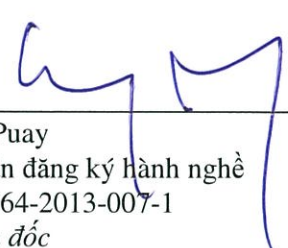
Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 12 năm 2015 (ngày Công ty chuyển đổi từ công ty TNHH một thành viên vốn nhà nước sang công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2016.

## Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 16-01-940



  
Chong Kwang Puay  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0864-2013-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

  
Chang Hung Chun  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0863-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>75.068.990.344</b>	<b>120.605.219.525</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>60.736.050.776</b>	<b>88.840.528.558</b>
Tiền	111		9.736.050.776	88.840.528.558
Các khoản tương đương tiền	112		51.000.000.000	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.500.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.977.148.305</b>	<b>1.414.767.002</b>
Phải thu của khách hàng	131		752.080.682	1.003.399.380
Trả trước cho người bán	132		404.520.000	16.800.000
Phải thu khác	136	6	820.547.623	394.567.622
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>9.033.190.016</b>	<b>28.549.669.806</b>
Hàng tồn kho	141		10.185.741.968	28.549.669.806
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.152.551.952)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>822.601.247</b>	<b>1.800.254.159</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		822.601.247	755.139.399
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151		-	890.412.758
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	154.702.002
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>82.330.894.137</b>	<b>91.312.872.947</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>44.337.457.005</b>	<b>55.377.234.994</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	31.702.464.514	37.555.481.378
Nguyên giá	222		63.818.942.677	63.982.374.978
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.116.478.163)	(26.426.893.600)
Tài sản cố định vô hình	227	9	12.634.992.491	17.821.753.616
Nguyên giá	228		17.380.197.798	20.749.816.362
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.745.205.307)	(2.928.062.746)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>329.109.979</b>	<b>-</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	329.109.979	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>37.664.327.153</b>	<b>35.935.637.953</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	36.290.309.292	35.935.637.953
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	1.374.017.861	-
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>157.399.884.481</b>	<b>211.918.092.472</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>44.443.511.466</b>	<b>131.708.708.712</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>28.887.940.466</b>	<b>114.558.728.459</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	11.175.177.280	704.630.715
Người mua trả tiền trước	312		399.664.466	105.139.071
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	4.074.426.414	2.686.676.970
Phải trả người lao động	314		4.360.309.049	15.589.594.248
Chi phí phải trả	315	15	8.107.458.013	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	241.705.244	83.687.193.319
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	529.200.000	11.785.494.136
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>15.555.571.000</b>	<b>17.149.980.253</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	13	6.238.980.000	12.477.960.000
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	2.068.458.000	4.672.020.253
Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	7.248.133.000	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>112.956.373.015</b>	<b>80.209.383.760</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>112.956.373.015</b>	<b>80.209.383.760</b>
Vốn cổ phần	411	20	80.000.000.000	80.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	20	176.083.000	176.683.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.780.290.015	33.300.760
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm/kỳ trước	421a		33.300.760	-
- LNST chưa phân phối năm/kỳ này	421b		32.746.989.255	33.300.760
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>157.399.884.481</b>	<b>211.918.092.472</b>

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Phùng Thị Yên  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương  
Kế toán Trưởng



Đàm Sơn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
Doanh thu bán hàng	01	22	398.431.918.238	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	22.855.975.857	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>22</b>	<b>375.575.942.381</b>	<b>-</b>
Giá vốn hàng bán	11	23	255.315.998.699	-
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>120.259.943.682</b>	<b>-</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	958.170.080	42.711.463
Chi phí tài chính	22		109.653.299	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		109.653.299	-
Chi phí bán hàng	25	25	58.988.341.324	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	21.546.534.838	18.182
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>40.573.584.301</b>	<b>42.693.281</b>
Thu nhập khác	31		1.683.695.196	-
Chi phí khác	32		463.441.550	-
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.220.253.646</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>41.793.837.947</b>	<b>42.693.281</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	9.765.866.553	9.392.521
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	28	(1.374.017.861)	-
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>33.401.989.255</b>	<b>33.300.760</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	4.175	217

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Phùng Thị Yên  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương  
Kế toán Trưởng



Đàm Sơn  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>41.793.837.947</b>	<b>42.693.281</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	9.397.907.672	-
Các khoản dự phòng	03	8.400.684.952	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(494.728.530)	(42.711.463)
Chi phí lãi vay	06	109.653.299	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>59.207.355.340</b>	<b>(18.182)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	679.155.679	595.502.267
Biến động hàng tồn kho	10	18.363.927.838	-
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(80.645.167.329)	100.734.165
Biến động chi phí trả trước	12	3.456.437.105	-
		<b>1.061.708.633</b>	<b>696.218.250</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(109.653.299)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(9.258.245.334)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11.911.294.136)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(20.217.484.136)</b>	<b>696.218.250</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(6.228.468.777)	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	79.727.273	-
Gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(205.500.000.000)	-
Rút tiền gửi có kỳ hạn	24	203.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27	761.747.858	42.711.463
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(7.886.993.646)</b>	<b>42.711.463</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND	Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND
-------	----------------------------------	---

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền thu từ đi vay	33	5.721.041.707		-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.721.041.707)		-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm/kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(28.104.477.782)</b>	<b>738.929.713</b>	
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm/kỳ</b>	<b>60</b>	<b>88.840.528.558</b>	<b>88.101.598.845</b>	
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm/kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>60.736.050.776</b>	<b>88.840.528.558</b>	

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:



Phùng Thị Yên  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Thu Hương  
Kế toán Trưởng



Đàm Sơn  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một Thành viên Nước khoáng và Thương mại Dịch vụ Quảng Ninh theo Quyết định số 03-QĐ/TU ngày 19 tháng 10 năm 2015 do Tỉnh Ủy Quảng Ninh phê duyệt. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5700379618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp và thay đổi lần thứ 7 vào ngày 25 tháng 12 năm 2015.

**(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh đồ uống không cồn và nước khoáng; khai thác, xử lý và cung cấp nước và xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 491 nhân viên (1/1/2016: 488 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị trình bày báo cáo**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(e) Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 được mang sang từ số liệu đã kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

### **(a) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

## **Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

#### **(c) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(d) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### **(e) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm/kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                            |            |
|----------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 5 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị      | 5 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển   | 6 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng       | 3 – 6 năm  |

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền khai thác**

Chi phí để có được quyền khai thác tài nguyên nước khoáng được vốn hóa và ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng 8 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(h) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí giải phóng mặt bằng**

Chi phí giải phóng mặt bằng là chi phí bồi thường mà Công ty chi trả cho dân cư tại khu vực thuê mặt bằng. Chi phí giải phóng mặt bằng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

**(ii) Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa**

Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước bao gồm giá trị thương hiệu và giá trị tiềm năng phát triển. Giá trị thương hiệu được xác định trên cơ sở các chi phí thực tế cho việc tạo dựng và bảo vệ nhãn hiệu, tên thương mại trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 5 năm (bao gồm chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo, tuyên truyền trong và ngoài nước để quảng bá, giới thiệu sản phẩm, giới thiệu công ty, xây dựng trang web...). Giá trị tiềm năng phát triển được đánh giá trên cơ sở khả năng sinh lời của doanh nghiệp trong tương lai khi so sánh tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp với lãi suất trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn 5 năm. Giá trị lợi thế kinh doanh phát sinh từ cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm kể từ khi doanh nghiệp chính thức chuyển thành công ty cổ phần (được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần).

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(j) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**(k) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận là khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm/kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm/kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm/kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm/kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc năm/kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(m) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu bán hàng không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(n) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

**(i) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu tài chính bao gồm thu nhập từ tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(ii) Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá.

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hoá và ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan này.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(p) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm/kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Lãi và lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm/kỳ.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất và kinh doanh đồ uống và trong một vùng địa lý, đó là Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

Khi xem xét mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ và không chỉ đơn thuần là hình thức pháp lý.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.456.387.065	5.786.365.466
Tiền gửi ngân hàng	8.279.663.711	83.054.163.092
Các khoản tương đương tiền	51.000.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>60.736.050.776</u>	<u>88.840.528.558</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

**5. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	2.500.000.000	-

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng	196.422.222	-
Ký quỹ ngắn hạn	484.880.000	-
Phải thu khác	139.245.401	394.567.622
	820.547.623	394.567.622

**7. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2016</b>		<b>1/1/2016</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên vật liệu	7.507.114.858	(1.152.551.952)	22.840.370.383	-
Công cụ và dụng cụ	2.203.397.820	-	3.594.722.655	-
Thành phẩm	295.970.199	-	2.114.576.768	-
Hàng hóa	179.259.091	-	-	-
	10.185.741.968	(1.152.551.952)	28.549.669.806	-

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm/kỳ như sau:

	<b>Năm kết</b>	<b>Giai đoạn từ</b>
	<b>thúc ngày</b>	<b>ngày 25/12/2015</b>
	<b>31/12/2016</b>	<b>đến 31/12/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tăng dự phòng trong năm/kỳ và số dư cuối năm/kỳ	1.152.551.952	-

Bao gồm trong hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 có 1.153 triệu VND (1/1/2016: không) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Tài sản cố định hữu hình**

<b>Nguyên giá</b>	<b>Nhà cửa và vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu năm	28.289.039.854	29.681.302.117	5.909.944.644	102.088.363	63.982.374.978
Tăng trong năm	(179.300.000)	931.909.000	725.712.000	-	1.657.621.000
Thanh lý	-	(1.277.980.409)	(284.572.892)	-	(1.741.853.301)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(79.200.000)	-	-	(79.200.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>28.109.739.854</b>	<b>29.256.030.708</b>	<b>6.351.083.752</b>	<b>102.088.363</b>	<b>63.818.942.677</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	9.555.394.375	13.701.056.964	3.101.770.783	68.671.478	26.426.893.600
Khấu hao trong năm	2.801.365.572	3.384.884.508	690.538.128	11.480.833	6.888.269.041
Thanh lý	(107.216.818)	(925.259.436)	(166.208.224)	-	(1.198.684.478)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>12.249.543.129</b>	<b>16.160.682.036</b>	<b>3.626.100.687</b>	<b>80.152.311</b>	<b>32.116.478.163</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	18.733.645.479	15.980.245.153	2.808.173.861	33.416.885	37.555.481.378
Số dư cuối năm	15.860.196.725	13.095.348.672	2.724.983.065	21.936.052	31.702.464.514

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty có các tài sản có nguyên giá là 169 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: Không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Tài sản cố định vô hình**

Nguyên giá	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Quyền khai thác VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.491.866.362	15.767.950.000	490.000.000	20.749.816.362
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.122.247.798	1.122.247.798
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(4.491.866.362)	-	-	(4.491.866.362)
Số dư cuối năm	-	15.767.950.000	1.612.247.798	17.380.197.798
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	505.334.970	2.204.950.000	217.777.776	2.928.062.746
Khấu hao trong năm	187.161.100	2.034.450.000	288.027.531	2.509.638.631
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(692.496.070)	-	-	(692.496.070)
Số dư cuối năm	-	4.239.400.000	505.805.307	4.745.205.307
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	3.986.531.392	13.563.000.000	272.222.224	17.821.753.616
Số dư cuối năm	-	11.528.550.000	1.106.442.491	12.634.992.491

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty có các tài sản có nguyên giá là 171 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (1/1/2016: 171 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND</b>
Tăng trong năm	1.451.357.777
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(1.122.247.798)
	329.109.979

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2016 VND</b>	<b>1/1/2016 VND</b>
Máy móc và thiết bị	329.109.979	-
	329.109.979	-

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Chi phí giải phóng mặt bằng VND</b>	<b>Lợi thế kinh doanh từ cổ phần hóa VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	-	31.343.711.533	4.591.926.420	35.935.637.953
Tăng trong năm	-	-	2.350.317.795	2.350.317.795
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	3.799.370.292	-	-	3.799.370.292
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	79.200.000	79.200.000
Phân bổ trong năm	(37.432.220)	(3.134.371.152)	(2.702.413.376)	(5.874.216.748)
Số dư cuối năm	3.761.938.072	28.209.340.381	4.319.030.839	36.290.309.292

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Chi phí phải trả và dự phòng	1.808.033.861	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Tài sản cố định	(434.016.000)	-
	<hr/>	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	1.374.017.861	-
	<hr/> <hr/>	

**13. Phải trả người bán**

**Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán**

	<b>31/12/2016</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>VND</b>
Ngắn hạn	11.175.177.280	704.630.715
Dài hạn	6.238.980.000	12.477.960.000
	<hr/>	
	17.414.157.280	13.182.590.715
	<hr/> <hr/>	

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2016 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ VND	31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	17.751.184	37.751.584.205	(17.191.090.415)	(19.935.668.719)	642.576.255
Thuế nhập khẩu	-	413.271.500	(413.271.500)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.384.703.848	9.765.866.553	(9.258.245.334)	-	2.892.325.067
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.759.193.999	(1.545.844.835)	(154.702.002)	58.647.162
Thuế tài nguyên	264.937.605	7.831.319.572	(7.628.472.518)	-	467.784.659
Thuế khác	19.284.333	437.072.217	(443.263.279)	-	13.093.271
	2.686.676.970	57.958.308.046	(36.480.187.881)	(20.090.370.721)	4.074.426.414



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thưởng và lương tháng 13	6.315.421.707	-
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	1.319.505.600	-
Chi phí phải trả khác	472.530.706	-
	8.107.458.013	-
	8.107.458.013	-

**16. Phải trả khác**

**(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Kinh phí Công đoàn và bảo hiểm xã hội	177.216.619	1.866.795
Phải trả cổ phần hóa	-	81.604.798.989
Phải trả khác	64.488.625	2.080.527.535
	241.705.244	83.687.193.319
	241.705.244	83.687.193.319

**(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2016</b>	<b>1/1/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.068.458.000	4.672.020.253
	2.068.458.000	4.672.020.253
	2.068.458.000	4.672.020.253

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm/kỳ như sau:

	<b>Năm kết thức ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND</b>
Số dư đầu năm/kỳ	11.785.494.136	11.785.494.136
Sử dụng trong năm/kỳ	(11.256.294.136)	-
Số dư cuối năm/kỳ	529.200.000	11.785.494.136

**18. Dự phòng phải trả dài hạn**

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm/kỳ như sau:

	<b>Năm kết thức ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND</b>
Số trích lập trong năm/kỳ và số dư cuối năm/kỳ	7.248.133.000	-

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 25 tháng 12 năm 2015</b>	80.000.000.000	176.083.000	-	80.176.083.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	33.300.760	33.300.760
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016</b>	80.000.000.000	176.083.000	33.300.760	80.209.383.760
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	33.401.989.255	33.401.989.255
Thanh toán thù lao cho Hội đồng quản trị	-	-	(655.000.000)	(655.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	80.000.000.000	176.083.000	32.780.290.015	112.956.373.015

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000
<b>Vốn cổ phần hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	80.000.000.000	8.000.000	80.000.000.000
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	-	176.083.000	-	176.083.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với các cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm/kỳ.

**21. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán.

	31/12/2016 VND	1/1/2016 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.202.179.014	-

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>Năm kết thức ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm và hàng hóa	398.431.918.238	-
<hr/>		
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	22.855.975.857	-
<hr/>		
Doanh thu thuần	375.575.942.381	-
<hr/>		

**23. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm kết thức ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	254.163.446.747	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.152.551.952	-
<hr/>		
	255.315.998.699	-
<hr/>		

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	958.170.080	42.711.463

---

**25. Chi phí bán hàng**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND</b>
Chi phí nhân viên	21.884.520.916	-
Chi phí kho vận	18.269.034.067	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	12.797.926.878	-
Chi phí trung bày	455.061.713	-
Chi phí nghiên cứu thị trường	16.481.328	-
Chi phí bán hàng khác	5.565.316.422	-
	58.988.341.324	-

---

**26. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND</b>
Chi phí nhân viên	14.923.245.638	-
Chi phí khấu hao	961.188.265	-
Chi phí thuê hệ thống đường truyền và dịch vụ công nghệ thông tin	62.600.749	-
Chi phí nghiên cứu và phát triển	51.203.360	-
Chi phí quản lý khác	5.548.296.826	18.182
	21.546.534.838	18.182

---

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Năm kết thức ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	177.124.512.358	-
Chi phí nhân viên	78.648.133.000	-
Chi phí khấu hao và phân bổ	9.397.907.672	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.658.992.733	-
Chi phí khác	18.346.649.080	18.182

**28. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Năm kết thức ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Năm hiện hành	9.765.866.553	9.392.521
<b>Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.374.017.861)	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>8.391.848.692</b>	<b>9.392.521</b>

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>Năm kết thức ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	41.793.837.947	42.693.281
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.358.767.589	9.392.521
Chi phí không được khấu trừ thuế	33.081.103	-
	<b>8.391.848.692</b>	<b>9.392.521</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo luật Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế (giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015: 22%).

**29. Lãi trên cổ phiếu**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 (cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 12 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2015) được dựa trên lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng cho năm/kỳ kế toán là 33.401.989.255 VND (giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015: 33.300.760 VND) và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành là 8.000.000 cổ phiếu (giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015: 153.425 cổ phiếu), được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>Năm kết thức ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	33.401.989.255	33.300.760



**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND</b>
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cuối năm/kỳ	8.000.000	153.425

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.175	217

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Tại ngày báo cáo, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng do vậy việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm/kỳ như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2016 VND</b>	<b>Giai đoạn từ ngày 25/12/2015 đến 31/12/2015 VND</b>
<b>Công ty mẹ của công ty mẹ</b>		
<b>Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan</b>		
Mua hàng hóa	47.844.291	-
<b>Các công ty liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa</b>		
Thành phẩm đã bán	6.772.989.600	-
Mua hàng hóa	75.890.579	-
<b>Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution</b>		
Mua hàng hóa	80.588.504	-
<b>Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại CDN</b>		
Mua hàng hóa	5.212.742	-
<b>Thành viên quản lý chủ chốt</b>		
Thù lao	3.758.673.941	-

**Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### 31. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với năm hiện tại về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

#### Bảng cân đối kế toán

	<b>1/1/2016</b> <b>(phân loại</b> <b>lại)</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2016</b> <b>(theo báo</b> <b>cáo trước đây)</b> <b>VND</b>
Phả trả dài hạn khác	4.672.020.253	17.149.980.253
Phả trả người bán dài hạn	12.477.960.000	-

Các số liệu so sánh kỳ trước là cho giai đoạn kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2015 (ngày Công ty chuyển đổi từ mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên vốn nhà nước sang mô hình công ty cổ phần) đến ngày 31 tháng 12 năm 2015. Do đó số liệu so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh liên quan cho giai đoạn từ ngày 25 tháng 12 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là không được so sánh với những số liệu của năm kế toán hiện tại.

Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Người lập:

Phùng Thị Yên  
Kế toán Tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Thị Thu Hương  
Kế toán Trưởng



Đàm Sơn  
Tổng Giám đốc



